

## LÝ SĨ KHIÊM THÍCH BỐ THÍ

Vào đời Tùy có vị cư sĩ tên Lý Sĩ Khiêm, từ nhỏ đã hết sức hiếu thuận. Ông mồ côi cha từ bé, rồi sau khi mẫu thân theo cha về thế giới bên kia thì ông buồn thương thọ tang thủ hiếu trọn ba năm. Kỳ hạn thọ tang vừa xong liền sửa sang ngôi nhà đang ở thành một ngôi chùa, và từ đó lập chí nguyện không tiếp tục làm quan nữa. Cả đời ông không hề nhấm môi dù chỉ một giọt rượu, không ăn thịt cá, hành vi lúc nào cũng đoan chính, khẩu nghiệp hết sức thanh tịnh, từ xưa đến nay chưa từng nói ra lời nào có liên quan đến sự giết hại.

Tiên sinh được kế thừa gia sản kếch xù do cha mẹ để lại nhưng sự sinh hoạt, chi tiêu hằng ngày lại tiết kiệm, dè sẻn hơn cả người nghèo. Ông mặc y phục thô cũ, ăn cơm rau đạm bạc, lúc nào cũng xem việc giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, nghèo đói là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Nếu trong thôn xóm có gia đình nào khó khăn, chẳng hạn như người chết không có quan tài, tiên sinh liền bố thí quan tài. Anh em cãi nhau vì phân chia tài sản không đồng đều, ông tự lấy tiền nhà thêm vào cho đủ chia để không ai thấy thiệt thòi. Cũng không ít trường hợp khi đó cả hai anh em đều cảm động và xấu hổ, tự thay đổi tâm tánh không còn tranh chấp mà biết

nhường nhịn lẫn nhau, yêu thương và tha thứ cho nhau, nhờ đó mà cả hai đều trở thành người tốt.

Một hôm, tiên sinh phát hiện có người đang cắt trộm lúa trong ruộng của mình. Ông chẳng những không hô hoán để bắt tên trộm, ngược lại chỉ lặng lẽ bỏ tránh đi nơi khác. Mọi người trong gia đình thấy khó hiểu trước hành động của tiên sinh liền theo hỏi, ông giải thích:

- Con người không ai không có sĩ diện, nào ai thích làm kẻ trộm? Nhưng bởi thiên tai hoạn họa, nghèo đói bức bách nên mới bắt đắc dĩ rơi vào đường xấu. Do đó chúng ta nên khoan dung tha thứ cho anh ta đi!

Không lâu sau, người cắt trộm lúa biết được tấm lòng nhân từ của tiên sinh, cảm động sâu sắc liền phát tâm hối cải, từ đó thề với lòng thà chết đói chứ không làm kẻ trộm nữa. Quả thật, nhờ đó mà anh trở thành người tốt.

Một năm nọ, mất mùa đói kém, rất nhiều người rơi vào cảnh thiếu trước hụt sau, gia đình đói khát. Lý tiên sinh liền mở kho xuất hơn ngàn bao tạ lúa để cứu giúp dân chúng. Đến năm sau, mùa màng lại tiếp tục thất bát, những người mượn nợ năm trước đều không đủ khả năng trả nợ, cùng kéo đến nhà Lý tiên sinh xin khát nợ. Lý tiên sinh chẳng những không một

lời làm khó mà còn nấu cơm thết đãi, sau đó đem tất cả giấy nợ ra đốt sạch và nói mọi người một cách hết sức từ ái:

- Ngũ cốc trong nhà tôi được chứa trữ vốn là để cứu tế, giúp đỡ mọi người khi hoạn nạn, tuyệt đối không có ý đầu cơ để thừa nước đục thả câu. Hiện tại nợ nần của các vị đã hết, vậy mọi người hãy yên tâm làm ăn đừng nên lo lắng nữa!

Mấy năm sau, lại tiếp tục gặp năm mất mùa rất nặng nề, Lý tiên sinh đem hết tất cả gia sản ra để tổ chức việc bố thí lương thực với qui mô lớn, cứu sống hơn vạn người đang đứng trước cái chết vì đói thiếu.

Mùa xuân năm sau, Lý tiên sinh lại tiếp tục bố thí một số lượng rất lớn hạt giống để giúp nông dân trồng tía vụ mùa mới.

Có người thấy việc làm của tiên sinh như thế, liền nói:

- Lý tiên sinh! Ông đã cứu sống được rất nhiều người, quả thật âm đức không nhỏ!

Ông cười xòa đáp:

Ý nghĩa của âm đức cũng giống như việc bị ù tai, chỉ bản thân mình biết, người khác không nghe biết được. Hiện tại

những việc tôi đã làm, anh đều biết cả, như vậy sao có thể gọi là âm đức được chứ?

Sau đó, con cháu của Lý tiên sinh đều làm ăn phát đạt, mọi người cho rằng đây là quả báo tích đức của tiên sinh. Nhưng lúc đó lại có người không tin đạo lý nhân quả, đưa ra lập luận rằng chẳng có sách vở thánh hiền nào ghi chép về nhân quả cả. Lý tiên sinh ôn tồn nói:

- Ông sai rồi, đức Khổng Tử tán thán Kinh Dịch, mà trong Kinh Dịch có nói: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương.*” (Nhà tích chứa điều thiện ắt sẽ có niềm vui; nhà tích chứa điều bất thiện ắt sẽ gặp tai ương). Như vậy có thể thấy trong sách Nho cũng nói đến đạo lý nhân quả, sao bảo là không?

Người đó hiểu ra, rất thán phục sở học của tiên sinh, lại thưa hỏi về chỗ khác biệt giữa Tam giáo. Lý tiên sinh giải thích:

- Phật giáo giống như mặt trời, Đạo giáo giống như ánh trăng, Nho giáo giống như những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời.

Người ấy nghe được những lý luận cao thâm của Lý tiên sinh bỗng chốc liền khởi tâm hoan hỉ, tin phục.

Vào năm 66 tuổi, Lý tiên sinh thuận theo lẽ vô thường, an nhiên xả bỏ xác thân. Người người nghe tin đều đau buồn khóc than thảm thiết. Người đến tham dự lễ tang và tiễn đưa linh cữu có đến hơn hàng vạn.

Một đời của Lý Sĩ Khiêm được nuôi dưỡng trong giáo lý giải thoát của Phật-đà, thấm nhuần Phật pháp, cho nên đối với gia đình hết lòng hiếu thuận song thân, làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ, tình thương; còn đối với xã hội cũng thực hành hạnh nguyện lợi tha rộng lớn, cứu độ chúng sinh chẳng khác hàng Bồ Tát. Ông đã mang toàn bộ tài sản của mình ra để thực hành hạnh bố thí, song trong lòng không khởi chút ý niệm tham cầu danh thơm tiếng tốt hay kể lể công lao. Hành động này có thể nói là những người bình thường không dễ gì làm được. Tấm gương cuộc đời của Lý tiên sinh có thể nói là: “Sống được mọi người kính mến, lúc chết được mọi người thương xót.”

*(trích Tùy Sử - truyện Lý Sĩ Khiêm)*

## GIA LUẬT SỞ TÀI CAN VUA

Gia Luật Sở Tài là đại thần nổi tiếng triều Nguyễn. Ông học rộng biết nhiều, bình sinh không có sách vở nào lại chưa từng nghiên cứu qua, học vấn uyên thâm, lại đặc biệt tinh thông kinh luận Phật giáo...

Nguyễn Thái tổ Thành Cát Tư Hãn mỗi khi xuất binh, trước tiên đều mời Sở Tài đến để thỉnh vấn. Những sự luận bàn phân tích của tiên sinh thấy đều sâu xa và ứng nghiệm như thần, cho nên Thành Cát Tư Hãn hết sức kính trọng và tin cậy.

Có một lần, quân Nguyễn chinh phạt phía đông Ấn Độ, hành quân đến Thiết Môn Quan thì phát hiện một con thú rất kì lạ, chỉ có một sừng, thân hình giống như nai, đuôi lại giống như ngựa, biết nói tiếng người, bảo người thị vệ của Nguyễn Thái tổ rằng:

- Không nên tiến công vào vùng này, hãy xin hoàng đế của ông sớm ra lệnh thu binh mới là thượng sách.

Thành Cát Tư Hãn nghe báo việc này cảm thấy hết sức kinh ngạc và khó hiểu, liền thỉnh giáo Sở Tài. Sở Tài đáp:

- Muôn tâu bệ hạ! Đây là con thú tốt lành, người ta gọi nó là giác thụ, có khả năng nói tất cả các thứ tiếng, biết yêu thích sự sống, chán ghét cái chết. Đây là điềm lành ngầm ý bảo hoàng thượng hãy thuận theo lòng trời, thực tập từ bi, bảo hộ bá tính vạn dân và sinh mạng của muôn vật.

Thành Cát Tư Hãn nghe tiên sinh nói thế, lập tức ra lệnh rút binh về nước.

Lúc đó, phần lớn quan sử ở các châu quận đều bạo ngược vô đạo, thường giết người một cách vô tội vạ, thậm chí xảo trá lấy vợ người, cướp đoạt tài sản... Sở Tà nghe biết tình hình chính trị ở các nơi đồi bại như thế, không cảm được nỗi đau rơi lệ... Tiên sinh liền dâng biểu lên Nguyên Thái tổ xin hạ lệnh chấn chỉnh quan sử các châu quận, nghiêm cấm việc xâm hại dân chúng và tùy tiện giết người, lại yêu cầu tất cả các trường hợp dùng đến án tử hình đều phải trình lên hoàng đế xét duyệt, nếu ai trái lệnh sẽ bị xử chém.

Sau khi Nguyên Thái tổ chuẩn y và ra chiếu chỉ, hành động bạo ác của quan sử ở các địa phương mới dần dần giảm bớt.

Lúc Nguyên Thái tổ xuất binh Nam chinh, Sở Tà dâng sớ xin phát lời kêu gọi những người trong hàng

ngũ quân địch đầu hàng, đồng thời đề xuất ý kiến dùng cờ đầu hàng để phát cho những người chịu hàng thuận, rồi cho phép họ trở về quê hương chứ không giết hại, do đó bảo toàn được rất nhiều sinh mạng, mà việc chinh phạt cũng trở nên dễ dàng hơn vì giảm bớt sự kháng cự.

Sau đó, Nguyên Thái tổ mang quân đánh Biện Lương (nay là Khai Phong, Hà Nam), vị tướng cầm binh vì muốn trả thù sự chống trả quyết liệt của người Kim nên muốn ra lệnh phóng hỏa thiêu rụi cả thành, không để ai sống sót. Sở Tài biết chuyện liền lập tức dâng sớ lên Nguyên Thái tổ nói rõ:

“Mục đích xuất chinh của hoàng thượng là vì muốn mở rộng bờ cõi và nhân dân. Nếu như chúng ta thiêu rụi hết cả thành, như vậy mình chỉ được đất chứ không được người, thế thì đâu có tác dụng gì?”

Thành Cát Tư Hãn xem tấu sớ rồi vẫn còn do dự chưa quyết định, Sở Tài liền tiếp tục trực tiếp can ngăn:

- Tâu bệ hạ, trong thành này có biết bao những công trình kì xảo xinh đẹp, biết bao ngôi nhà chứa đầy vàng bạc châu báu, nếu như ta thiêu rụi hết cả thành, như vậy sẽ chẳng thu hoạch được gì cả, há không đáng tiếc lắm sao?



Nguyên Thái tổ ngẫm nghĩ một lát, cho rằng lời của tiên sinh rất hợp lý, liền bác bỏ đề nghị đốt thành, lại hạ lệnh chỉ bắt tội những người chống đối, còn những ai đã quy thuận thì không truy cứu nữa. Nhờ đó đã bảo toàn được gần 150 vạn mạng người.

Lúc đó, số tù binh vượt ngục rất nhiều, quân Nguyên liền hạ lệnh bắt cứ ai che giấu hoặc giúp đỡ tù binh chạy trốn đều bị giết sạch cả nhà. Sở Tài lại dâng sớ tâu lên Nguyên Thái tổ:

“Ngày nay Hà Nam đã được bình định, dân chúng đều là con của hoàng thượng. Những người tù binh vượt ngục cũng không biết trốn về nơi đâu, lẽ nào chỉ vì một người bỏ trốn mà giết oan rất nhiều người vô tội?”

Nguyên Thái tổ xem xong tấu sớ của Sở Tài, lập tức bãi bỏ mệnh lệnh đã ban ra.

Sở Tài hầu cận bên vua, thường dùng lời mềm dẻo khuyên can mọi việc, giúp cho việc trị nước của vua được thêm phần nhân đức. Ông giữ chức Trung thư lệnh, sau khi chết được truy phong là Quảng Ninh Vương. Con trai ông làm tới chức Tả thừa tướng, 11 người cháu cũng đều được làm quan lớn.

*(trích Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký)*

## CHUYỆN TƯỚNG XẤU THÀNH TỐT

Tào Bân là vị đại tướng nổi tiếng triều Tống, giúp Tống Thái Tổ bình định thiên hạ, có công lao chinh chiến rất lớn. Có một lần, Tào

Bân gặp Trần Hi Di là một người có học vấn rất uyên bác, giỏi xem tướng thuật. Ông này xem qua tướng mạo của Tào Bân rồi nói:

- Hai bên thành xương của ông lồi lên, ấn đường rộng, mắt dài phóng ánh sáng, chắc chắn sớm trở nên giàu có, song có tướng xấu là quai hàm cao, miệng trệ, xem ra ông không được hưởng phước khi tuổi già. Cứ theo đây mà nói, mỗi khi xuất binh chinh chiến ông nên đối xử khoan hồng, gieo trồng phước đức cho lúc tuổi già.

Tào Bân nghe Trần Hi Di nói liền cúi đầu cảm tạ, ghi nhớ lời ấy.

Một lần, khi Tào Bân xuất trận, phó tướng Toại Ninh và rất nhiều tướng sĩ thuộc hạ đều chủ trương giết sạch dân trong thành để thị uy. Tào Bân biết được liền ra lệnh nghiêm cấm giết hại dân lành, cấm xâm hại phụ nữ hoặc cướp bóc tài sản của dân. Sau khi chiến sự kết thúc, ông còn cấp lương thực

cho những người xa quê muốn trở về, dân chúng không ai không cảm tạ tấm lòng nhân đức của ông.

Sau đó, Tào Bân nhận lệnh dẫn binh đánh Giang Nam. Bởi không nỡ nhìn thấy cảnh dân tình khôn khổ lắm than vì chiến cuộc nên ông cáo bệnh không đi. Các võ tướng dưới quyền ông lúc đó đều kéo đến thăm hỏi bệnh tình của ông trước khi xuất chinh. Tào Bân nói với tất cả những người đến thăm bệnh:

- Bệnh của tôi không thuốc gì chữa khỏi, nhưng chỉ cần tất cả anh em thành tâm thành ý cùng thề rằng ngày tiến công Giang Nam tuyệt đối không được tùy tiện giết hại dân lành, như thế thì bệnh của tôi sẽ tự nhiên thuyên giảm thôi.

Các tướng sĩ vốn hết sức kính trọng Tào Bân, nên họ liền cùng nhau phát lời thệ nguyện đúng như vậy. Đến ngày đánh Giang Nam, nhờ đó mà có vô số dân thường được thoát khỏi sự lạm sát. Tấm lòng từ bi của vị tướng quân họ Tào được truyền rộng khắp Giang Nam, dân chúng ai nấy đều cảm kích. Vì thế, mọi người cùng rủ nhau mang lương thực đi đón quân triều đình. Sức chống cự của phản quân vì thế rất yếu ớt. Nhờ vậy mà trận chiến này không phải tốn hao nhiều nhân

mạng, hơn nữa còn bảo vệ được tài sản của nhân dân không bị tàn phá.

Sau đó ít lâu, Tào Bân có dịp tình cờ gặp lại Trần Hi

Di. Ông ta nhìn tiên sinh một lúc rồi nói:

- Lạ thật! Năm trước tôi xem tướng của ông thấy quai hàm cao miệng trệ, lúc đó tôi khẳng định ông không có phước về già, nhưng hiện tại đã biến đổi, miệng mép đầy đặn xinh đẹp, ánh kim quang thù diệu nhìn thấy khắp mặt và râu tóc, nhất định sẽ được sống lâu nhiều phước lộc.

Tào Bân hỏi lại:

- Sao gọi là kim quang?

- Đó là ánh sáng hiển hiện của phước đức, nếu người có âm đức thì mặt hiện ánh sáng màu vàng y, mắt sáng, cả khuôn mặt đều tỏa ra khí sắc tốt lành. Người như vậy không chỉ tăng tuổi thọ, con cháu nhiều đời về sau cũng đều hưởng nhờ phước đức.

Quả nhiên, về già Tào Bân sống trong cảnh an nhàn thư thái, lúc ra đi cũng hết sức nhẹ nhàng, thọ 69 tuổi, sau khi chết được truy phong tước hiệu *Tể Dương quận vương*. Tiên

sinh có cả thảy 9 người con trai, con trưởng là Vĩ, con thứ là Tông, con thứ ba là Xán, đều là những tướng lĩnh nổi tiếng; nhiều đời con cháu về sau đều vinh hiển không ai sánh.

(trích *Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký, Đức Dục Cổ Giám và Pháp Tướng Bí Truyền*)

## CHỊU ĐÓI GIÚP NGƯỜI

Dương Tự Trùng là người huyện Ninh Ba, tỉnh Triết Giang, làm chức giám ngục trong nha huyện. Lúc nào tâm ý của tiên sinh cũng hết sức nhân từ, đối xử với mọi người đều trung hậu, làm việc gì cũng tuân thủ nội qui, đúng pháp luật. Ông đặc biệt quản lý tội nhân hết sức công bằng và rộng lượng. Nhưng quan huyện bấy giờ tính tình rất hung dữ, tàn khốc, khi hỏi cung tội phạm thì sắc mặt hùng hổ như muốn ăn tươi nuốt sống phạm nhân, thậm chí có khi còn dùng đến cực hình. Vào thời ấy, nha huyện cũng chính là cơ quan chấp pháp hành hình.

Một hôm, quan huyện bắt được một tội phạm. Ông cho rằng tên tội phạm này tính tình độc ác, liền ra lệnh cho lính canh bắt người ấy phải quì xuống, sau đó dùng gậy đánh mạnh vào người y cho đến khi khắp người máu me lai láng, cảnh tượng thật bi thảm không dám nhìn.

Người bị đánh quằn quại đau đớn bởi cực hình, song vẫn không chịu khuất phục, do đó càng làm cho quan huyện nổi trận lôi đình, tiếp tục ra lệnh đánh.

Dương Tự Trừng không thể chịu được, bèn quì xuống xin quan huyện hãy tha cho người đó. Quan huyện trừng mắt nói:

- Người này phạm pháp, lại không khuất phục khi bị hình phạt, dù tình dù lý đều khiến cho người ta phải tức giận.

Dương Tự Trừng lại ôn tồn nói với quan huyện:

- Người xưa có dạy: “Đối với dân ngu muội phạm vào pháp luật, bậc thánh nhân thấu tình đạt lý sao có thể sinh lòng vui vẻ mà không thương xót?” Thưa đại nhân, vui còn không được, sao có thể tức giận?

Quan huyện nghe tiên sinh nói xong, trong lòng cảm thấy hết sức cảm động và cũng có phần nào xấu hổ, liền nén cơn giận trong lòng xuống, ra lệnh ngừng cực hình.

Gia đình của Dương Tự Trừng tuy hết sức nghèo khó nhưng ông không hề nhận bất cứ quà biếu gì của ai, càng không bao giờ tham lam nhận của hối lộ. Ngược lại, mỗi khi nhìn thấy phạm nhân ăn không đủ no, chịu cảnh đói khát, ông còn thương xót luôn nghĩ cách giúp đỡ.

Một hôm, lính huyện dẫn đến một số phạm nhân mới. Tất cả đều bị bỏ đói từ mấy hôm trước vì lương thực dành cho phạm nhân chưa được chuyển đến kịp. Lúc đó, trong nhà giam cũng không thể kiếm đâu ra thức ăn. Dương Tự Trưng nhìn thấy các phạm nhân mới đến bị đói đến nỗi bước đi xiêu vẹo, rồi nằm thoi thóp thật đáng thương. Tiên sinh liền nghĩ cách để giúp họ, nhưng hiện tại trong nhà tiên sinh cũng không có nhiều gạo nên không biết phải làm sao.

Thế là tiên sinh liền trở về bàn bạc với vợ. Người vợ hỏi:

- Phạm nhân từ đâu đến?

- Đều từ Hàng Châu giải đến, đi thuyền suốt cả ngày đêm song không có gì ăn, do đó ai cũng đói đến nỗi ù tai hoa mắt, hơi thở yếu ớt, đáng thương lắm!

Người vợ nghe chồng nói như vậy cũng đồng tình thương xót. Hai vợ chồng quyết định mang hết số gạo hiện có trong nhà ra để cứu giúp phạm nhân. Dù biết là làm như thế thì hai vợ chồng sẽ phải chịu đói, nhưng nghĩ đến sự đói khổ mà những phạm nhân đang phải chịu nên vợ chồng ông vẫn quyết ý làm.

Suốt đời tiên sinh làm được rất nhiều việc phước thiện, thường không tiếc công sức giúp đỡ những người khốn khó.

Về sau, quả nhiên con cháu của tiên sinh đều hiển đạt. Người con trưởng là Thủ Trần, con thứ là Thủ Chỉ đều làm đến chức quan Lại bộ thị lang; cháu đích tôn là Mậu Nguyên giữ chức Hình bộ thị lang; người cháu thứ tên Mậu Nhân làm Tuần sát sử ở Tứ Xuyên, đều là những đại thần nổi tiếng.

Sách Đức Dục Cổ Giám có lời khen ngợi tiên sinh Dương Tự Trưng rằng:

“Làm người cai ngục mà có khả năng tích đức hành thiện, thu hoạch được phước báo như thế. Tại sao người xưa nói rằng trong chốn công môn tu hành rất tốt? Vì ở đó lúc nào cũng có những cảnh tượng thẩm tra tội phạm, nhiều khi người nghèo lại bị liên lụy, người oan khuất lại bị kết án khổ sai, người ngu dốt bị khinh khi, người yếu thế bị áp bức, kêu trời khóc đất chẳng biết tỏ cùng ai. Nếu người trong nha môn biết thấu tình đạt lý, muôn dân sẽ được nhờ, có thể cứu tế những gian khổ nguy cấp, giúp đỡ khoan dung cho người, tuy rất khó làm nhưng kết quả vượt xa hơn việc lành của người đời trong cuộc sống bình thường.”

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)



## BÁO MỘNG TRẢ ƠN

Khoảng năm 1950, có hai vợ chồng họ Vương di cư từ Kim Môn đến Đài Loan. Lúc hai vợ chồng họ còn ở Kim Môn, một hôm đang đi trên đường gặp một em bé bị lạc khoảng 3 tuổi, đang đứng khóc bên đường. Nơi này vô cùng hoang vắng, rất hiếm có người qua lại. Hai vợ chồng họ Vương liền dừng lại đó hồi lâu, nhìn quanh quất không thấy ai cả, cảm thấy đáng thương cho em bé hết sức. Lòng từ bi trời dậy, họ quyết định đưa em về nhà mình tạm nuôi dưỡng, đồng thời dán giấy thông báo khắp nơi, hy vọng cha mẹ nào đó bị lạc con sẽ đến nhận lại. Song thông báo đã nhiều ngày qua mà vẫn không thấy ai đến nhận, do đó hai vợ chồng liền bàn nhau nhận nuôi đứa bé, xem như con ruột của mình.

Lúc họ đến Đài Loan cũng dẫn em bé đi theo, cả nhà ba người có cuộc sống hết sức hạnh phúc vui vẻ. Vào một buổi tối năm 1951, đột nhiên Vương tiên sinh giật mình tỉnh giấc, ngớ ngẩn cả người. Người vợ cũng giật mình thức giấc, hỏi chồng sao không ngủ mà ngồi ngây người ra như thế. Vương tiên sinh liền kể cho vợ nghe về giấc mộng của mình:

- Vừa rồi anh có một giấc mơ hết sức kì quái. Anh thấy một vị quan đến nhà mình, nói rằng đã chết trong trận

chiến ở Hạ Môn, do đó đứa con cũng phải lưu lạc đến Kim Môn, may mắn được hai vợ chồng mình nuôi dưỡng, mới bảo toàn được cốt nhục của dòng họ ông ta, vì vậy đặc biệt đến cảm tạ hai vợ chồng mình, không biết làm sao để báo đáp ân đức. Ông ta nói là tại số nhà 25, hẻm số 10 phía bắc đường Trung Sơn có nhà của Lý Chi Bắc, trong đó có một cái va-li đựng 4 bộ đồ tây mới, 100 đồng tiền giấy, 30 đồng bạc trắng, các vị hãy lấy tên người họ Dương đến nhận lại va-li đó, nhất định người ấy sẽ đưa đủ những gì tôi nói. Đây là chút lễ vật tôi thành tâm thành ý dâng tặng các vị, các vị nhớ đến đó lấy...

Vương tiên sinh chưa nói hết câu, vợ ông đã xuýt xoa lên tiếng:

- Kì lạ thật! Kì lạ thật! Vương tiên sinh hỏi:
- Chuyện gì kì lạ? Người vợ nói:
- Em cũng nằm mơ giống hệt như vậy.

Hai vợ chồng ngồi nhìn nhau, ai cũng cảm thấy thật hết sức kì lạ, hầu như không thể tin được những gì trong mộng lại có thể là sự thật. Nhưng vì sao cả hai người lại có thể cùng có một giấc mộng với nội dung như nhau?

Sáng sớm hôm sau, Vương tiên sinh tìm đến một người bạn thân và kể cho anh ta nghe giấc mơ kỳ lạ đó. Người bạn nghe xong cũng cho là rất kỳ lạ, nhưng khuyên tiên sinh nên thử đi đến địa chỉ như được chỉ dẫn trong mơ xem thực hư thế nào.

Hai vợ chồng Vương tiên sinh liền làm theo những gì người họ Dương trong mộng đã căn dặn. Trước hết họ thuê xe thặng đến địa chỉ số 25, hẻm 10 đường Trung Sơn để xem thật hư thế nào, liệu thật có nhà người họ Lý ở phía bắc đường này hay không.

Thật kỳ lạ, khi xe vừa chạy vào hẻm 10, trước ngôi nhà mang số 25, quả thật hai người nhìn thấy ngay một tấm bảng nhỏ đề tên “Lý Chi Bắc”.

Hai vợ chồng họ Vương cùng bước vào nhà Lý Chi Bắc. Nhưng họ chưa kịp nói ra ý định và mục đích ghé thăm của mình thì chủ nhà đã bước ra chào và nói ngay:

- Hai vị đến thật hay. Mấy hôm nay ngày nào tôi cũng nằm mơ thấy người bạn họ Dương về nói chuyện có hai vợ chồng họ Vương sẽ đến nhận cái va-li ông ấy gửi năm xưa. Năm 1949, bạn tôi khi lên đường nhập ngũ đã gửi va-li này cho tôi. Sau đó tôi rời Hạ Môn sang Đài Loan lập nghiệp, vẫn mang

theo va-li ấy bên mình. Sau đó chúng tôi có thư từ cho nhau mấy lần, nhưng bỗng một lần thư đã gửi đi lâu rồi mà hồi âm chẳng thấy. Hiện tại anh ta đang làm gì, ở đâu tôi đều không rõ. Song cả nửa tháng nay, đêm nào tôi cũng mơ thấy anh ta về nhắc chuyện cái va-li cả.

Hai vợ chồng họ Vương nghe Lý Chi Bắc nói như thế, càng cảm thấy kinh ngạc hơn, luôn miệng nói “Kỳ lạ! Kỳ lạ!...”

Sau đó, Lý Chi Bắc vào lấy cái va-li của người bạn họ Dương đã gửi. Mọi người cùng mở khóa va-li để kiểm tra mọi thứ bên trong. Quả nhiên trong đó có 4 bộ đồ tây mới, 100 đồng tiền giấy, 30 đồng bạc trắng... hoàn toàn đúng như lời trong mộng của hai vợ chồng họ Vương.

Hai vợ chồng từ biệt, mang va-li lên xe trở về, trong lòng tràn ngập những cảm xúc hết sức kỳ lạ. Hơn bao giờ hết, họ cảm nhận được sự báo ứng nhân quả thật hết sức rõ ràng: Một khi đã phát tâm làm việc tốt thì nhất định sẽ gặp được quả báo tốt, không còn nghi ngờ gì nữa!

Từ đó về sau, hai vợ chồng họ Vương thường nỗ lực khuyên người làm việc thiện và bao giờ cũng mang câu chuyện ly kỳ đã xảy ra với họ để làm dẫn chứng.

## MẸ KẾ ĐỘC ÁC BỊ SÉT ĐÁNH

Trước kia có một người đến năm 40 tuổi thì vợ bị bệnh qua đời, để lại đứa con trai còn thơ dại. Người ấy vì chịu không nổi cảnh cô đơn, lại thấy cô hàng xóm xinh đẹp liền hỏi cưới.

Sau khi lấy nhau một năm, hai năm... người mẹ kế này đối với đứa con chồng rất hòa thuận, thương yêu, tỏ ra hết lòng chăm sóc, dạy dỗ. Nhưng sau khi cô ta sinh được hai đứa con trai, liền sinh lòng thiên vị, bề ngoài có vẻ như thương yêu con chồng nhưng trong lòng luôn tìm cách hãm hại. Chẳng qua vì cô chỉ muốn dành trọn mọi thứ cho hai đứa con của mình.

Mấy năm sau, người chồng bị bệnh nặng, thuốc thang không hề thuyên giảm. Biết mình không còn sống bao lâu nữa, ông cầm tay đứa con của người vợ trước nói với người mẹ kế của nó:

- Bà này, sau khi tôi qua đời, tài sản trong nhà nên chia đều cho ba đứa con trai. Cả đời tôi đã dành dụm được không ít, nên chuyện mưu sinh của mọi người chắc không có gì đáng lo. Tuy nhiên, đứa bé này là con trưởng, vả lại là con người vợ trước của tôi, nó bất hạnh đã mất mẹ từ khi tám bé,

nếu không có bà chăm lo, săn sóc, làm sao có thể lớn khôn thành người có ích được? Hiện tại sức tôi đã kiệt, chắc không sống được bao lâu nữa. Mong sao bà hãy xem đứa con này cũng như con của mình sinh ra. Hãy thay tôi chăm sóc, dạy dỗ cho nó nên người.

Nói xong, người ấy quỵn luyến hồi lâu rồi mới nhắm mắt lìa trần.

Sau khi chồng qua đời, người vợ kể liền biểu lộ ý niệm tà ác của mình, đối xử với con riêng của chồng hết sức tàn ác, ngược đãi như súc vật; áo quần, đồ ăn thức uống đều kém xa con mình, lại còn thường xuyên đánh đập mắng chửi.

Tuy thường nằm mộng thấy người chồng đã chết nghiêm khắc trách mắng, song bà ta vẫn tính nào tật nấy không chịu thay đổi. Mặc dù vậy, đứa con tội nghiệp kia lại hết sức hiếu thuận với mẹ kế, dù người bị đối xử tệ bạc đến đâu cũng đều vui vẻ chịu đựng không hề oán thán.

Đến khi các con khôn lớn, người mẹ kế không muốn chia tài sản cho đứa con trước của chồng, nhưng vì sợ miệng đời dị nghị nên liền rắp tâm tìm cách hãm hại. Bà ta nghĩ, chỉ cần thằng bé chết đi thì ta không cần phải chia tài sản cho nó nữa mà hàng xóm cũng chẳng ai chê trách được.

Thế là, một hôm bà ta làm bánh rồi lén bỏ thuốc độc vào, gọi đưa con trước cửa chồng về ăn. Bỗng nhiên ngay lúc ấy, mây đen ùn ùn kéo đến che kín cả bầu trời, sấm sét âm âm, chớp nhoáng sáng chói. Người mẹ kể trong lòng bất chính, nghe tiếng sấm chớp dữ dội như sắp đánh xuống người mình thì kinh khiếp đến bủn rủn cả tay chân, quỳ mọp xuống đất chắp tay lạy như tế sao, luôn miệng tự xưng tội: “Con biết tội rồi, con biết tội rồi! Lẽ ra con không nên lén bỏ thuốc độc vào bánh để mưu hại con chồng... Con biết tội rồi, xin ông trời tha cho con được sống...”

Đưa con người vợ trước nhìn thấy mẹ kể đang run rẩy khiếp sợ van xin như thế, liền dẫn cả hai đứa em chạy đến, cùng quỳ xuống đất van xin ông trời hãy tha thứ cho mẹ chúng. Hồi lâu sấm sét mới dịu bớt, mấy mẹ con cùng dìu nhau đứng dậy. Người mẹ kể vẫn chưa hết cơn run sợ nhưng không khỏi xấu hổ về việc làm xấu xa của mình, liền ôm lấy đứa con chồng khóc lóc xin lỗi, hứa từ nay về sau sẽ không còn ghét bỏ nó nữa.

Từ đó về sau, quả nhiên bà ta thật lòng hối cải, từ bỏ những hành vi ngược đãi đối với con chồng, hơn nữa còn hết lòng thương yêu chăm sóc giống như con mình.

(trích dẫn *Tọa Hoa Chí Quả*)

## **THẤY CHẾT KHÔNG CỨU ĐỜI SAU LÀM HEO**

Thành phố Hàng Châu, tỉnh Triết Giang có một người hết sức giàu, nhà cửa cao rộng sang trọng. Mùa xuân năm 1926, nhà hàng xóm của người giàu đó bị cháy, trước nhà đã bị lửa cháy cao không thể thoát ra, phía sau giáp tường với nhà người giàu.

Tất cả mọi người trong nhà hàng xóm lớn tiếng kêu cứu, khóc lóc nghe thật bi thảm. Lúc đó, con cái người nhà giàu đều định phá bức tường cứu người, nhưng người nhà giàu ấy ngăn cản:

- Nhờ bức tường đó chắn lửa nên nhà chúng ta mới được bình yên. Nếu phá tường nhất định lửa sẽ tràn qua, lúc đó nhà mình sẽ cùng chung số phận.

Thế là cả nhà người giàu ấy chỉ ngồi nhìn không chịu cứu.

Lát sau, không còn nghe tiếng kêu la nữa, cả gia đình 7 người của nhà hàng xóm đều đã làm mồi cho lửa. Thật bi thảm!



Mùa hè năm ấy, người nhà giàu bị trượt chân ngã xuống chết ngay tại chỗ. Mấy ngày sau, mấy người con của ông ta đều nằm mộng thấy cha về nói hết sức bi thảm:

- Các con ơi! Do cha thấy chết không cứu, hại người phải chết thảm nên giờ phải đầu thai vào loài súc sinh, làm một con heo của gia đình Triệu A Bảo ở Lâm An. Con heo mẹ của nhà ấy sẽ sinh ra bảy con heo con, trong đó có một con bị què chính là cha đó.

Sáng ra, mấy người con đều lấy làm lạ khi kể cho nhau nghe giấc mộng trùng hợp này, vì người nào cũng nằm mộng thấy y hệt như nhau. Họ lấy làm bán tín bán nghi, liền cùng nhau tìm đến Lâm An hỏi thăm nhà Triệu A Bảo. Quả nhiên tìm được. Sau khi dò hỏi, chủ nhà là Triệu A Bảo cho biết:

- Đúng là tối hôm qua con heo nái nhà tôi sinh được bảy con heo con, trong đó có một con bị què.

Các con của người nhà giàu liền xin mua lấy con heo què đó, mang về nuôi dưỡng. Chuyện này về sau do chính một người bạn thân của người nhà giàu đó kể lại.

(trích dẫn *Nhân quả lục*)

## THAM TIỀN MÁT CON

Theo tiên sinh Diệp Bá Cao, vào thời loạn lạc trước kia có rất nhiều nhà giàu ở khắp nơi đều lên núi Thanh Đảo để lánh nạn. Một buổi sáng sớm, gần thành phố Thanh Đảo, có người đặt một đứa bé mới sinh bên vệ đường, trên mình buộc 700 đồng tiền kèm theo một tờ giấy ghi rằng: “Xin bậc quân tử nhân từ nuôi dưỡng đứa bé này, xin để lại 700 đồng gọi là tiền báo đáp.”

Đó là một số tiền khá lớn vào lúc đó. Có một người đi ngang qua đó sớm, nhìn thấy trên mình đứa bé cột gói tiền và tờ giấy như vậy, nhưng ông ta chẳng những không nghĩ đến việc nuôi dưỡng đứa bé mà lại ngang nhiên lấy ngay số tiền đó rồi vội vã quay về nhà, bỏ mặc đứa bé nằm đó giữa khúc gỗ vì bị côn trùng cắn đốt, cuối cùng phải chết thảm.

Về đến nhà, anh ta lấy ra một đồng đưa cho đứa con trai 8 tuổi của mình. Thằng bé mừng quá lập tức ù té chạy đi mua bánh kẹo, ngờ đâu vừa ra khỏi cổng nhà đã trượt chân té ngã, đầu đập vào một tảng đá, chết ngay tại chỗ.

Người tham lam đó hối hận vô cùng, liền kể lại cho người vợ nghe chuyện lấy tiền của đứa bé bị bỏ rơi bên đường của

mình, không ngờ báo ứng đến tức thời khiến con mình phải chết.

Người vợ hết sức kinh tởm trước việc làm vô đạo đức của chồng, lập tức đến báo với nhà chức trách. Người ấy liền bị bắt và chịu phán quyết tội danh giết người...

(trích *Nhân quả lục*)

## CHA MẸ LÀ PHẬT

Dương Phủ người huyện Thái Hòa, tỉnh An Huy, do căn lành đã trồng sâu nên tiên sinh sớm thể hội cuộc đời vô thường, sớm còn tối mất, công danh như bọt nước ngoài khơi, liền lập chí xuất gia sống đời tỉnh thức. Nghe nói đạo hạnh của Đại sư Vô Tế ở Tứ Xuyên hết sức cao thâm, vì muốn thân cận minh sư liền từ biệt song thân đến Tứ Xuyên tìm thầy cầu đạo. Vừa mới vào địa phận tỉnh Tứ Xuyên, tiên sinh may mắn gặp một vị hòa thượng đã gần 70 tuổi. Tiên sinh cung kính đánh lễ lão hòa thượng. Lão hòa thượng từ tường hỏi:

- Con từ đâu đến đây, đến Tứ Xuyên có việc gì không?

Dương tiên sinh cung kính chắp tay đáp:

- A-di-đà Phật! Kính bạch thầy, con ở tỉnh An Huy, muốn đến Tứ Xuyên tham học với Đại sư Vô Tế.

- Con muốn gặp Đại sư Vô Tế, như thế không bằng thầy Phật.

- A-di-đà Phật! Kính bạch thầy, đương nhiên con rất muốn gặp Phật, nhưng quả thật con không biết Phật ở đâu, thỉnh lão hòa thượng từ bi chỉ bảo?

- Vậy con hãy lập tức trở về nhà, nếu gặp người nào trên thân khoác cái chăn bông, chân mang dép ngược, người ấy chính là Phật.

Dương Phủ nghe lão hòa thượng nói thế, hết sức vui mừng, tin nhận không chút nghi ngờ. Ngay lập tức tiên sinh cáo biệt lão hòa thượng, lên đường về quê. Trèo núi vượt đèo hơn cả tháng trời mới về đến nhà. Lúc đến nhà, mặt trời đã xuống núi từ lâu, các ngọn đèn trong xóm cũng dần dần thưa thớt, ông gõ cửa gọi mẹ:

- Mẹ ơi! Con vừa về, mẹ ra mở cửa cho con.

Người mẹ nghe tiếng đứa con trai của mình gọi thì mừng vui khôn tả xiết. Tuy ông bà đồng ý cho con xuất gia học đạo, nhưng trong lòng bà vẫn luôn nhớ nhung khôn nguôi, lúc nào

cũng dõi theo từng bước chân của con. Vì thế, vừa nghe tiếng con thì bà vui mừng luýnh quýnh, lật đật ngồi dậy bước vội xuống giường, không kịp mặc áo, kéo đại cái chăn bông khoác lên người, lúi quúi mang dép ngược, vội vội vàng vàng chạy ra mở cửa đón con...

Dương Phủ nhìn thấy mẹ khoác chăn bông, chân mang dép ngược chạy ra, tức thời nhớ lời hòa thượng và nhận hiểu được ngay ý nghĩa: cha mẹ chính là Phật sống trong nhà. Cố gắng cung dưỡng đầy đủ; còn về phương diện tinh thần, ông luôn tự mình làm nhiều việc tốt để cha mẹ vui lòng.

Dương Phủ hưởng thọ đến 80 tuổi, lúc sắp lâm chung vẫn an nhiên tự tại, đọc bốn câu kệ trong kinh Kim Cang rồi an tường ra đi.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

## **NIỆM PHẬT CỨU MẸ**

Thiền sư Tông Trách sống vào đời Tống, người Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, từ nhỏ đã sớm mồ côi cha. Mẹ thầy là Trần thị liền đưa thầy về nương nấu với người cậu, nuôi dưỡng

lớn khôn. Thuở thiếu thời thầy thông suốt sách Nho, đọc hiểu khắp sách vở thế gian.

Năm lên 29 tuổi, thầy nhận ra được sự vô thường của kiếp người, liền lập chí nghiên cứu và thực hành Phật pháp. Từ đó tìm đến thiền sư Viên Thông Pháp Tú ở chùa Trường Lô thuộc Trân Châu xin xuất gia tu học, tham cứu thông suốt nghĩa lý huyền diệu, thấu rõ tông yếu.

Sau đó, thầy nghĩ đến ân sâu nuôi dưỡng dạy dỗ của mẹ, muốn tìm cách báo đáp, liền đón mẹ về cùng ở trong chùa, sửa dọn một căn phòng để bà ở về phía đông phương trượng, sớm chiều đều sang hầu hạ phụng dưỡng. Ngoài việc lo cung phụng vật chất đầy đủ ra, thầy còn khẩn thiết khuyên nhủ, hướng dẫn mẹ chuyên tâm niệm Phật cầu vãng sinh về Tây phương Tịnh độ. Mẹ thầy tin nhận lời thầy, hết lòng tu tập theo pháp môn Tịnh độ.

Bảy năm sau, mẹ thầy an nhiên vãng sinh trong tiếng niệm Phật. Thiền sư còn có trước tác “Khuyến hiếu văn” lưu truyền hậu thế. Toàn bộ bài văn có 120 thiên; 100 thiên đầu nói rõ cách phụng dưỡng cha mẹ bằng vật chất; 20 thiên sau hướng dẫn việc nên khuyên cha mẹ thực hành pháp môn Tịnh độ, cầu được vãng sinh Tây phương Cực Lạc. Cách báo hiếu trọn

vẹn như ngài dạy trong văn này chính là ý nghĩa báo hiếu mà tất cả những người con Phật đều phải noi theo.

(trích *T nh độ thánh hiền lục*)

## HIẾU DƯỠNG MẸ SINH CON TRAI QUÝ

Thôi Miện từ nhỏ đã hết sức hiếu thuận. Cha ông qua đời từ khi ông còn tám bé, mẹ ông vì quá đau lòng, khóc lóc đến nổi mù cả hai mắt. Thôi Miện bán cả ruộng vườn, đi khắp nơi tìm thầy hay thuốc tốt về chữa trị cho mẹ, nhưng các danh y được mời đến đều lắc đầu bó tay không chữa được.

Từ khi mẹ trở nên mù lòa, mỗi ngày Thôi Miện đều lo việc phụng dưỡng hết lòng, chí thành cung kính, chăm lo tất cả mọi vấn đề sinh hoạt hằng ngày của mẹ, lúc nào cũng nghiêm cẩn hết mực, không bao giờ thay đổi. Từ những thứ như y phục, đồ ăn, thức uống và tất cả mọi nhu cầu cần thiết trong đời sống hằng ngày của mẹ, Thôi Miện đều tùy theo thời tiết trong năm mà thay đổi sao cho thích hợp, lúc nào cũng làm cho mẹ được cảm thấy vui vẻ, thỏa mái, không thiếu thốn thứ gì.

Những ngày thời tiết tốt đẹp, Thôi Miện dìu mẹ ra ngoài đi dạo hóng mát, hít thở không khí trong lành của đất trời, tận hưởng những làn gió mát thoang thoảng chút hương thơm của mạ non.

Tuy hai mắt của mẫu thân đã mù, không thể thưởng thức phong cảnh đẹp như tranh của làng quê yên bình, nhưng Thôi Miện thường đi cạnh bên miêu tả cảnh vật bên ngoài cho mẹ nghe, làm cho mẹ ông cũng có cảm giác như đang được tận mắt thưởng thức. Mỗi ngày, trước khi đi ngủ Thôi Miện luôn dành thời gian kể cho mẹ nghe những việc xảy ra trong ngày, để bà không có cảm giác cách biệt với mọi sinh hoạt xã hội.

Về sau, Thôi Miện làm quan ngày càng thăng tiến, song lúc nào cũng vẫn giữ một mực cung kính đối với mẹ già, luôn tự mình chăm sóc phục dịch mọi sinh hoạt hằng ngày chứ không bao giờ để cho gia nhân làm thay. Ngoài ra, ông còn tự tay trồng rất nhiều loại cây ăn trái trong vườn nhà mình như đào, mận, quýt... Do đó mà suốt bốn mùa trong năm lúc nào cũng có trái cây tươi ngon ngọt để dâng lên mẹ.



Sau khi mẹ già trăm tuổi, Thôi Miện lại phát tâm ăn chay trường, tụng kinh niệm Phật hồi hướng phước lành cầu cho mẫu thân được vãng sinh về Tịnh độ.

Bởi suốt một đời Thôi Miện luôn nêu cao tấm gương hiếu hạnh, nên con cháu của ông cũng đều rèn luyện được nhân cách hơn người. Thôi Miện làm quan đến chức Trung thư thị lang, con trai được phong làm Hữu phủ, là một trong những danh tướng thời bấy giờ.

(trích *Đức Dục Cổ Giám*)

## NÀNG DÂU HIẾU THẢO MẸ CHỒNG

Triều Tống có một người phụ nữ hiền lương là Trần thị, năm 20 tuổi xuất giá về nhà chồng, sống một cuộc sống hết sức vui vẻ, tràn đầy hạnh phúc. Ngờ đâu chưa được một tháng sau, người chồng đã phải sung vào quân ngũ, lên đường ra trận. Tình cảnh vợ chồng vừa mới cưới đã ly biệt, thật buồn rầu ử rữ biết dường nào. Trước lúc chia tay, người chồng ân cần nắm tay vợ nói:

- Sau khi ta đi rồi, nhờ nàng ở nhà chăm sóc phụng dưỡng mẹ già thay ta!

Trần thị cũng cố tỏ ra cứng rắn, ôn tồn an ủi chồng, hứa là sẽ hết lòng chăm sóc nuôi dưỡng mẹ già.

Sau đó không bao lâu thì nhận được hung tin, người chồng không may tử trận. Trần thị đau buồn khôn xiết kể, những muốn quyên sinh theo chồng nhưng vẫn phải gắng gượng sống để còn lo chăm sóc nuôi dưỡng mẹ chồng.

Người cha của Trần thị thấy con gái mình tuổi mới đôi mươi đã rơi vào cảnh góa bụa, liền hết lời khuyên nàng nên tính chuyện tái giá. Song Trần thị kiên quyết nói với cha:

- Thưa cha, con biết cha khuyên như vậy cũng chỉ vì muốn tốt cho con. Nhưng chồng con tuy đã bỏ mình, nhưng mẹ chồng còn đó không người chăm sóc. Nay nếu con bỏ mẹ mà đi lấy chồng khác, đã không vẹn tình nghĩa với chồng, lại không tròn chữ hiếu với mẹ chồng, như vậy chẳng phải là để tiếng xấu cho cả gia đình mình đó sao. Xin cha cho phép con thủ tiết thờ chồng, hết lòng nuôi dưỡng chăm lo cho mẹ.

Cha nàng thấy ý con gái đã quyết nên cũng thôi không khuyên con tái giá nữa. Từ đó về sau, Trần thị siêng năng làm việc, may thuê vá mướn, kiếm được chút tiền nào đều dành dụm lo cho mẹ chồng. Trải qua nhiều năm như thế, trước sau

vẫn không một chút lười biếng mệt mỏi. Đến khi mẹ chồng qua đời, cô còn lo việc chôn cất ma chay đàng hoàng tươm tất.

Lòng thủy chung với chồng và tấm gương hiếu thảo của người con dâu Trần thị đã khiến rất nhiều người cảm động và kính phục. Hoàng đế đương thời biết chuyện liền ban thưởng cho rất nhiều tiền bạc và phong tặng danh hiệu là “*người con dâu hiếu thảo*”.

(trích *Nữ phạm*)